TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 295/2019/HSPT
Ngày: 23/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;
Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Chính;
Bà Bùi Thị Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 146/2019/TLPT ngày 18 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo Già Mí N, Hầu A T do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2019/HS-ST ngày 10/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

**** Bị cáo có kháng cáo***:

1. Già Mí N, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Xóm K, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Già Cha L (Già Chá L) và bà Sùng Thị D (Sầm Thị D) - đã chết; Vợ là Già Thị C, sinh năm 1994; Có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/8/2018; có mặt.

2. Hầu A T (Tên gọi khác: T), sinh năm 2001; Nơi cư trú: Xóm N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Tin lành; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Con ông: Hầu A S và bà Vừ Thị G; Vợ là: Lầu Thị M; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Hầu A T: Ông Hầu A D, sinh năm 1996 (anh trai của bị cáo); Trú tại: Xóm N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo N: Bà Đoàn Thị T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Cao Bằng; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo T: Bà Nông Thị Thu Tr - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Cao Bằng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối năm 2017, Già Mí N đi lao động làm thuê cho Vàng A Ph ở huyện Phú Ninh, Vân Nam, Trung Quốc với công việc phát cỏ, tiền công 100NDT/01 ngày. Trong quá trình làm thuê, Vàng A Ph đặt vấn đề với Già Mí N về Việt Nam tìm người sang làm thuê cho Ph, sẽ trả tiền công cho 200 NDT khi tìm được 01 người đưa sang cho Ph; còn những người đi mà tìm được người đi cùng, sẽ trả tiền công 120NDT/1 ngày. Trong năm 2018, Già Mí N và Hầu A T đã 02 lần tổ chức đưa người khác xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào tháng 4 năm 2018, Già Mí N đến M, B, Cao Bằng, do có quen biết V, N đã đặt vấn đề tìm người sang Trung Quốc làm thuê, nếu tìm được sẽ trả công cho 300.000đ/01 người. Ngày 17/5/2018, nhận được điện thoại của V, Già Mí N đến nhà V ở M, Q, B và đã gặp ông Hoàng A P (Trú tại C, T, B, Cao Bằng) và anh rể của Phùng (Không biết tên). Biết 02 người muốn đi Trung Quốc làm thuê, N nói: "*Có công việc phát cỏ ở Trung Quốc, 01 ngày công 100NDT, nếu tìm được người đi làm theo, sẽ được trả công thêm 20NDT/01 ngày*". Sau đó, Hoàng A P đưa N đến nhà Hầu A S và đã gặp Hầu A T (con của Hầu A S) trú tại N, T, B, Cao Bằng. Tại nhà Sùng, Già Mí N nói: "*cần tìm người đi sang Trung Quốc làm thuê, công việc phát cỏ, tiền công 100NDT/1 ngày, nếu T tìm được người đi, sẽ trả công cho 01 người là 300.000đ và ai đi làm, rủ thêm được người đi làm cùng, sẽ trả tiền công 01 ngày 120 NDT*", rồi N đã nạp tiền điện thoại cho Hầu A T 30.000đ (Ba mươi nghìn đồng) để liên lạc. Sau đó Hoàng A P, Hầu A S và Hầu A T cùng Già Mí N đi rủ Hừ A Sinh, Hầu A Ch, Vừ A V, Thào A S1 (đều trú tại N, T, B, Cao Bằng). Già Mí N hẹn 09h sáng ngày 18/5/2018 sẽ thuê xe ô tô đến đón tại chợ T, B, Cao Bằng. Đến tối cùng ngày, Hầu A T gọi điện thoại cho Hoàng A S (ở cùng xóm) nói rõ thông tin cần người đi làm thuê ở Trung Quốc, Sình đồng ý đi.

Sáng ngày 18/5/2018, Hầu A T1 gọi điện thoại rủ Lầu A G (anh vợ của T) trú tại: Bản Ràn, T, B, Cao Bằng. Trên đường đi chợ T, B, Hầu A T có gặp và đã rủ Giàng A Sùng, Giàng A Sinh (trú tại N, T, B). Khi đến chợ T, thấy nhiều người đi, Hầu A T gọi điện thoại cho Già Mí N, thông báo đã rủ được 06 người và yêu cầu N trả tiền công l.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng chẵn), nhưng N bảo chỉ còn 1.500.000đ. Đến khoảng 11 giờ, Già Mí N thuê xe ô tô khách đến chợ T để đón Thào A Sinh, Thào A Tú, Hầu A Chạ, Hừ A Sinh (trú tại N, T, B); Trương A V1 (trú tại Khuổi Dùa, T, B), Vừ A V, Ma A Tú (trú tại Lũng Vài, T, B) và một số người không biết tên. Sau khi nhận của N số tiền 1.500.000đ, T quay về nhà, đem chi tiêu cá nhân. Còn Già Mí N đi xe máy dẫn đường xe khách. Trên đường đi đến thị trấn Pác Mầu, B, có đón thêm Hoàng A Sinh, Giàng A Sùng, Hầu A Sùng (trú tại Lũng Vài, T, B), lúc này, trên xe có khoảng 15 người đến thị trấn M, Hà Giang thì chuyển mọi người sang xe ô tô khác và đi về hướng cửa khẩu Săn Pun, M, Hà Giang. Khi đến khu vực biên giới, Già Mí N đã gọi điện thoại thông báo cho Vàng A Ph. N dẫn mọi người đi bộ theo đường mòn sang Trung Quốc, đến điểm đã hẹn giao nhóm người cho Vàng A Ph, được Ph trả tiền công cho 3.000 NDT (Ba nghìn nhân dân tệ). Ngoài ra, Ph còn đưa thêm cho N 10.000 NDT (Mười nghìn nhân dân tệ). Vàng A Ph đưa 15 người đi sâu vào nội địa Trung Quốc, làm công việc phát cỏ, trồng cây. Làm được hơn 10 ngày, thấy công việc nặng nhọc, Hoàng A S, Vừ A V, Trương A V1, Thào A S1, Hầu A Ch, Trương A V1 đã bỏ trốn, 01 tháng sau về đến nhà, số còn lại hiện nay vẫn chưa trở về địa phương. Sau khi nhận tiền với Vàng A Ph, Già Mí N quay về Việt Nam, đến cửa hàng xe máy đổi được 45.500.000đ (Bốn mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng), sau đó đem về nhà cất giữ.

Lần 2: Sau khi quay trở về Việt Nam, N gọi điện thoại bảo T tiếp tục tìm người đi làm thuê, N cho T biết những người đi làm, nếu muốn thì sẽ cho ứng tiền trước, cho mỗi người 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) và trả tiền công cho T là 300.000đ/01 người. Sau khi nhận được điện thoại của Già Mí N, T đã gọi điện thoại rủ Vừ A L, sinh năm 2000 (trú tại: L, Y, B, Cao Bằng); Hầu A D, sinh năm 1996 (trú tại: Đon Sài, M, B, Cao Bằng); Giàng A V3, sinh năm 1992, trú tại: K, S, B, Cao Bằng (là anh rể của T), rồi trực tiếp gặp và thông báo cho Lầu A Vừ, sinh năm 1995; Lầu A Páo, sinh năm 1997 (là anh của vợ T) trú tại: Bản R, T, B, Cao Bằng, về công việc làm thuê tại Trung Quốc. Sau khi mọi người đồng ý, T hẹn 09 giờ sáng ngày 23/5/2018 có mặt tại D, T, B, Cao Bằng có xe ô tô đến đón và gọi điện thoại cho N thống nhất thời gian, địa điểm đến đón. Sau khi được T rủ đi Trung Quốc làm thuê, Giàng A V đã nói lại cho: Giàng A Th (bố đẻ của V); Giàng A T3, sinh năm 1985 (trú tại: Ống Th1, Sơn

Lập, Bảo Lạc, Cao Bằng); Giàng A M, sinh năm 1995 (trú tại: K, S, B, Cao Bằng). Sáng ngày 23/5/2018, cũng như lần trước Già Mí N thuê xe khách đến D, T, B đón được 07 người (Vừ A L, Lầu A V6, Lầu A P, Giàng A V, Giàng A Th, Giàng A M, Giàng A T3). N cho 06 người ứng tiền trước, mỗi người ứng 3.500.000đ. Sau đó tiếp tục quay xuống N, M, B đón Hầu A D và cho ứng tiền trước. Trong lần này T đi làm thuê bên Trung Quốc thay cho Bố vì ở nhà có việc cần sự có mặt của Bố T. Khi xe đi đến khu I, Thị trấn Pác Miầu, B, Cao Bằng, thì bị Công an huyện B, tỉnh Cao Bằng phát hiện, ngăn chặn. Trước khi lên Công an huyện B, tỉnh Cao Bằng làm việc, N đã đưa cho T 19.000.000đ để T giữ hộ. Sau khi làm việc với cơ quan Công an thì đến ngày 27/5/2018, N đã hẹn gặp T tại B để đòi lại số tiền trên; đồng thời nhờ T đưa đi gặp những người mà N cho tạm ứng tiền, để đòi lại. Tổng số tiền 19.000.000đ T đã sử dụng 1.000.000đ để đưa những người trong lần thứ hai đi ăn cơm trưa, khi N bị triệu tập lên cơ quan Công an huyện B, Cao Bằng và đã làm mất 2.000.000đ; T tạm ứng số tiền làm thuê cho bố đẻ (Hầu A S) là 6.500.000đ. Số tiền còn lại 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) Hầu A T đưa lại cho Già Mí N.

Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2019/HS-ST ngày 10/01/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng quyết định:

Tuyên bố bị cáo Già Mí N phạm tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" và bị cáo Hầu A T phạm tội "Môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt: Già Mí N 09 (Chín) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 07/8/2018.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt: Hầu A T 03 (Ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 14/01/2019, bị cáo Hầu A T có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt và cho hưởng án treo.

Ngày 23/01/2019, bị cáo Già Mí N có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Già Mí N và Hầu A T thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo như nội dung đơn kháng cáo.

Các Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo Già Mí N và Hầu A T thống nhất về tội danh đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo đó là thành khẩn khai báo, ăn năn hồi cải; hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn; các bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế và đã nộp lại số tiền hưởng lợi bất chính để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Già Mí N và Hầu A T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo Già Mí N và Hầu A T đã kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Già Mí N mức án 09 năm tù về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" và bị cáo Hầu A T mức án 03 năm tù về tội "Môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép" là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, không có tình tiết mới làm căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Già Mí N và Hầu A T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Già Mí N và Hầu A T thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Cuối năm 2017, Già Mí N đi sang Trung Quốc làm phát cỏ thuê cho Vàng A Ph và được Ph đặt vấn đề tìm người Việt Nam sang Trung Quốc làm phát cỏ thuê, cứ đưa được một người sang Trung Quốc làm cho Ph thì sẽ được trả công 300 NDT (Ba trăm nhân dân tệ). Khi về Việt Nam, N đặt vấn đề với Hầu A T cần người đi Trung Quốc làm phát cỏ thuê, tiền công 01 ngày là 100 NDT (Một trăm nhân dân tệ), ai rủ được người đi làm thuê cùng sẽ được trả công 01 ngày là 120 NDT (Một trăm hai mươi nhân dân tệ); nếu không đi làm cùng sẽ được trả tiền công tìm được 01 người là 300.000 đồng. Trong tháng 5/2018, Già Mí N và Hầu A T đã 02 lần tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc giao cho Ph. Già Mí N được Ph trả công 3000 NDT và đưa thêm 10.000 NDT để tiếp tục tìm người đưa sang cho Ph. T là trung gian môi giới tìm người cho Ph đưa sang Trung Quốc làm thuê, được N trả 1.500.000đ tiền công. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Già Mí N về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh

trái phép" được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật hình sự năm 2015 và bị cáo Hầu A T về tội "Môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép" được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 348 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Già Mí N và kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Hầu A T, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Bị cáo Già Mí N là người trực tiếp tổ chức 02 lần đưa 24 người vượt biên sang Trung Quốc làm thuê để nhận tiền công của người Trung Quốc, không làm thủ tục xuất, nhập cảnh theo quy định của pháp luật. Bị cáo Hầu A T đã 02 lần môi giới 09 người cho bị cáo Già Mí N đưa sang Trung Quốc làm thuê để nhận tiền công từ bị cáo N. Các bị cáo N và T thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần và đưa người sang Trung Quốc làm thuê với số lượng lớn. Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo nhận thức được hành vi tổ chức đưa người sang Trung Quốc lao động làm thuê mà không được phép của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi nên các bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi của các bị cáo làm ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Việc các bị cáo tự ý tổ chức cho người khác qua biên giới lao động làm thuê sẽ tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm khác như buôn bán người, cưỡng bức lao động...và quyền lợi của người lao động không được bảo vệ. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm để giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, hành vi phạm tội; nhân thân, vai trò của từng bị cáo; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đó là thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội các bị cáo đã tích cực tác động gia đình nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có (Gia đình N nộp 9.000.000đ; gia đình T nộp 1.500.000đ); bị cáo T phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi để xử phạt bị cáo Già Mí N 09 năm tù về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" và bị cáo Hầu A T mức án 03 năm tù về tội "Môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép" là có căn cứ. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Già Mí N và kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Hầu A T.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo Già Mí N và bị cáo Hầu A T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Già Mí N và Hầu A T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HSST ngày 10/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 xử phạt: Bị cáo Già Mí N 09 (Chín) năm tù về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/8/2018.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 BLHS năm 2015 xử phạt: Bị cáo Hầu A T 03 (Ba) năm tù về tội "Môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Già Mí N và Hầu A T; mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Trại tạm giam CA tỉnh Cao Bằng;
- Bị cáo N (qua trại);
- Bị cáo T (theo địa chỉ).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phương Hạnh